SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT KG
HĐ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/TB-HĐXT

Kiên Giang, ngày 07 tháng 3 năm 2024

THÔNG BÁO

Kết quả điểm thi phỏng vấn (vòng 2) kỳ xét tuyển viên chức đơn vị sự nghiệp tự chủ năm 2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ, ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-SNNPTNT ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức vào các đơn vị sự nghiệp tự chủ năm 2023;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 07/3/2024 của Hội đồng xét tuyển viên chức năm 2023.

Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2023 thông báo điểm thi phỏng vấn (vòng 2) kỳ xét tuyển viên chức vào các đơn vị sự nghiệp tự chủ năm 2023 *(đính kèm danh sách).*

**** Lưu ý:** thí sinh dự tuyển có thắc mắc liên hệ Hội đồng xét tuyển viên chức qua Phòng Tổ chức Cán bộ Sở từ nay đến trước ngày 14/3/2024 (Số 09 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; Điện thoại: 02973.814.919; 0919010842).*

Nơi nhận:
- BGĐ Sở;
- HĐXT;
- Ban Giám giám;
- Website Sở;
- Lưu: VT; TCCB.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH KIÊN GIANG

PGĐ. SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
Quảng Trọng Thao

SỞ NÔNG NGHIỆP VA PTNT
TỈNH KIÊN GIANG
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐIỂM PHỎNG VẤN VÒNG 2 KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC VÀO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TỰ CHỦ NĂM 2023

(Kèm theo Thông báo số 06 /TB-HĐXT ngày 07/03/2024 của Hội đồng xét tuyển viên chức năm 2023)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Dân tộc	Trình độ				Dự thi ngạch	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Vị trí việc làm	Vị trí công tác	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm phỏng vấn vòng 2	Ghi chú
		Nam	Nữ			Chuyên môn	Năm tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Tin học								
I. Trung tâm Nước sạch và VSMTNT																	
1	Lê Minh Phương	06/6/1998		Giồng Riềng-Kiên Giang	Kinh	Công nghệ kỹ thuật môi trường	2020	Chứng chỉ B1 anh văn	Ứng dụng CNTT cơ bản	V.05.02.07		Kiểm nghiệm chất lượng nước	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	98		98	
2	Nguyễn Văn Bi	24/4/1989		Gò Quao-Kiên Giang	Kinh	Công nghệ Hóa học	2013	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ A tin học	V.05.02.07		Kiểm nghiệm chất lượng nước	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	92		92	
3	Đoàn Cẩm Nhung		10/11/1991	An Biên-Kiên Giang	Kinh	Đại học Tài chính-Ngân hàng	2015	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ B tin học	01.003		Tổng hợp báo cáo thống kê tình hình hoạt động của đơn vị	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	39		39	
4	Nguyễn Thị Thanh Thảo		16/5/1991	Rạch Giá-Kiên Giang	Kinh	Đại học Tài chính-Ngân hàng	2013	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ B tin học	01.003		Tổng hợp báo cáo thống kê tình hình hoạt động của đơn vị	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	90		90	
5	Cao Duy Tính	15/12/1996		Châu Thành-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kỹ thuật môi trường	2019	Chứng chỉ B anh văn	Ứng dụng CNTT cơ bản	V.05.02.07		Tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ cấp thoát nước và VSMT NT	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	89		89	
6	Phạm Hải Hưng	06/8/1997		Vĩnh Thuận-Kiên Giang	Kinh	Đại học Quản lý tài nguyên và môi trường	2023	Chứng chỉ B1 anh văn	Ứng dụng CNTT cơ bản	V.05.02.07	Hoàn thành nghĩa vụ công an nhân dân	Tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ cấp thoát nước và VSMT NT	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	91	2.5	93.5	
7	Danh Minh Khánh	20/5/1999		Châu Thành-Kiên Giang	Khmer	Đại học Quản lý tài nguyên và môi trường	2021	Chứng chỉ B2 anh văn	Ứng dụng CNTT cơ bản	V.05.02.07	Người dân tộc thiểu số	Tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ cấp thoát nước và VSMT NT	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	Vắng		Vắng	
8	Phù Vĩnh Phước	26/01/1996		Hà Tiên-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kỹ thuật môi trường	2019	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ A tin học	V.05.02.07		Tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ cấp thoát nước và VSMT NT	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	66.5		66.5	
9	Huỳnh Toại Nguyện	11/5/1991		An Minh-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kỹ thuật môi trường	2014	Chứng chỉ B1 anh văn	Chúng chỉ A tin học	V.05.02.07		Tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ cấp thoát nước và VSMT NT	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	94		94	
10	Nguyễn Thị Bạch Tuyết		12/12/1982	Rạch Giá-Kiên Giang	Kinh	Thạc sỹ Khoa học môi trường	2014	Toeic 755	Chúng chỉ A tin học	V.05.02.07		Tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ cấp thoát nước và VSMT NT	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	54.5		54.5	
11	Phan Vủ Quang	20/7/1991		Giồng Riềng-Kiên Giang	Kinh	Đại học Tài chính-Ngân hàng	2016	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ B tin học	V.05.02.07		Tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ cấp thoát nước và VSMT NT	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	85.5		85.5	
12	Ngô Thị Tú Nữ		10/10/1993	Rạch Giá-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kế toán	2022	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ B tin học	06.031		Kế toán viên	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	96		96	
13	Trần Thị Mỹ Trang		27/5/1995	Lai Vung-Đồng Tháp	Kinh	Đại học Kế toán	2023			06.031		Kế toán viên	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	58		58	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Dân tộc	Trình độ				Dự thi ngạch	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Vị trí việc làm	Vị trí công tác	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm phỏng vấn vòng 2	Ghi chú
		Nam	Nữ			Chuyên môn	Năm tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Tin học								
14	Lê Hoàng Dư	2/26/1987		Gò Quao-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kế toán	2013	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ B tin học	06.031		Kế toán viên	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	91		91	
15	Lý Thị Yến Nhi		16/02/1992	Ngã Năm-Sóc Trăng	Kinh	Đại học Kế toán	2016	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ A tin học	06.031		Kế toán viên	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	98		98	
16	Nguyễn Thanh Phong	26/10/1987		Châu Thành-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kế toán	2013	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ A tin học	06.031		Kế toán viên	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	90.5		90.5	
17	Lê Thị Thanh Bình	13/10/1984		Kiến Xương-Thái Bình	Kinh	Đại học Kế toán	2023	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ B tin học	06.031		Kế toán viên	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	45		45	
18	Trương Quang Phúc	30/04/1985		Rạch Giá-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kế toán	2016	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ A tin học	06.031		Kế toán viên	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	81		81	
19	Võ Tình Nhi		26/6/2000	An Biên-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kế toán	2023	Đại học Ngôn ngữ anh	Ứng dụng CNTT cơ bản	06.031		Kế toán viên	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	19		19	
20	Lý Ngọc Hiền	16/9/1979		Rạch Giá-Kiên Giang	Kinh	Đại học Tài chính-Kế toán	2009	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ A tin học	06.031		Kế toán viên	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	26		26	
21	Trần Hồng Ngọc		23/9/1992	Rạch Giá-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kế toán	2015	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ B tin học	06.031		Kế toán viên	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	Vắng		Vắng	
22	Nguyễn Thị Diễm		09/7/1994	Vĩnh Thuận-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kế toán	2018	Chứng chỉ A2 anh văn	Ứng dụng CNTT cơ bản	06.031		Kế toán viên	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	92		92	
23	Phan Thị Thanh Xuân		18/01/1990	Rạch Giá-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kế toán	2012	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ A tin học	06.031		Kế toán viên	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	95.5		95.5	
24	Nguyễn Quốc Trung	17/10/1988		An Minh-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kế toán	2012	Chứng chỉ B anh văn	Trung cấp tin học	06.031		Hành chính quản trị	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	98.5		98.5	
25	Nguyễn Thị Mỹ Xuyến		29/10/2001	An Minh-Kiên Giang	Kinh	Đại học Công nghệ thông tin	2023		Đại học Công nghệ thông tin	01.003		Quản trị mạng và phần mềm cấp nước	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	37		37	
26	Cao Hưởng	02/10/1988		Gò Quao-Kiên Giang	Kinh	Đại học Công nghệ thông tin	2020	Chứng chỉ B anh văn	Đại học Công nghệ thông tin	01.003		Quản trị mạng và phần mềm cấp nước	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	94		94	
27	Dương Văn Tùng	06/9/1986		Vĩnh Thuận-Kiên Giang	Kinh	Đại học Cấp thoát nước	2016	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ A tin học	V.05.02.07		Theo dõi cung ứng vật tư, thiết bị	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	88.5		88.5	
28	Lê Thị Thanh Thủy		10/11/1995	Thái Thụy-Thái Bình	Kinh	Đại học Luật	2018	Chứng chỉ B1 anh văn	Ứng dụng CNTT cơ bản	01.003		Công tác pháp chế	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	93		93	
29	Đặng Văn Trung	04/06/1984		Việt Yên-Bắc Giang	Kinh	Đại học Luật	2019			01.003		Công tác pháp chế	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	44.75		44.75	
30	Thái Chí Quốc	23/8/1988		Rạch Giá-Kiên Giang	Kinh	Đại học Luật	2023	Chứng chỉ A anh văn	Chúng chỉ A tin học	01.003		Công tác pháp chế	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	5		5	
31	Trần Văn Xẹt	20/8/1986		An Minh-Kiên Giang	Kinh	Đại học Luật	2014	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ B tin học	01.003		Công tác pháp chế	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	52		52	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Dân tộc	Trình độ				Dự thi ngạch	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Vị trí việc làm	Vị trí công tác	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm phỏng vấn vòng 2	Ghi chú
		Nam	Nữ			Chuyên môn	Năm tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Tin học								
32	Hồ Thị Huyền Trang		01/01/1998	U Minh Thượng-Kiên Giang	Kinh	Đại học Công nghệ kỹ thuật môi trường	2021	Chứng chỉ B1 anh văn	Ứng dụng CNTT cơ bản	V.05.02.07		Tuyên truyền vận động cộng đồng và theo dõi đánh giá nước sạch và VSMT nông thôn	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	54		54	
33	Phạm Hoàng Nhân	16/5/1998		Vĩnh Thuận-Kiên Giang	Kinh	Đại học Công nghệ kỹ thuật môi trường	2021	Chứng chỉ B1 anh văn	Ứng dụng CNTT cơ bản	V.05.02.07		Tuyên truyền vận động cộng đồng và theo dõi đánh giá nước sạch và VSMT nông thôn	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	81		81	
34	Đặng Văn Phong	17/11/1989		U Minh Thượng-Kiên Giang	Kinh	Đại học Công nghệ thực phẩm	2012	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ A tin học	V.05.02.07	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Công tác vận hành cấp nước, lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng đồng hồ tại Trạm cấp nước Vĩnh Phong	Hệ thống cấp nước khu vực	87.5	2.5	90	
35	Nguyễn Thị Bích Huyền		**09/09/2001**	Hòn Đất-Kiên Giang	Kinh	Đại học Công nghệ thực phẩm	2023	Chứng chỉ B1 anh văn	Ứng dụng CNTT cơ bản	V.05.02.07		Công tác vận hành cấp nước, lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng đồng hồ tại Trạm cấp nước Vĩnh Phong	Hệ thống cấp nước khu vực	37.25		37.25	
36	Trần Huy Hoàng	08/01/1990		Cẩm Xuyên-Hà Tĩnh	Kinh	Đại học Kỹ thuật cấp thoát nước	2021	Chứng chỉ B1 anh văn	Ứng dụng CNTT nâng cao	V.05.02.07	Con thương binh	Công tác vận hành cấp nước, lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng đồng hồ tại Trạm cấp nước Tân Khánh Hòa	Hệ thống cấp nước khu vực	81	5	86	
37	Nguyễn Văn Hoài	12/01/1983		An Minh-Kiên Giang	Kinh	Đại học trở lên ngành Kỹ thuật nhiệt - điện lạnh		Chứng chỉ B anh văn	Ứng dụng CNTT cơ bản	V.05.02.07		Công tác vận hành cấp nước, lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng đồng hồ tại Trạm cấp nước Đông Hưng	Hệ thống cấp nước khu vực	87.5		87.5	
38	Nguyễn Việt Nhớ	01/01/1978		Vĩnh Thuận-Kiên Giang	Kinh	Trung cấp Cấp thoát nước và Môi trường	2016	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ A tin học	V.05.02.08		Công tác vận hành cấp nước, lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng đồng hồ tại Trạm cấp nước Vĩnh Thuận	Hệ thống cấp nước khu vực	63		63	
39	Hà Trần Quốc Dũng	12/6/1989		Hưng Hà-Thái Bình	Kinh	Cao đẳng Công nghệ kỹ thuật điện	2013	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ B tin học	V.05.02.08		Công tác vận hành cấp nước, lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng đồng hồ tại Trạm cấp nước Tân Hiệp A	Hệ thống cấp nước khu vực	81		81	
II. Trung tâm Giống Nông Lâm Ngư nghiệp																	
1	Phạm Quỳnh Như		29/10/1993	Rạch Giá-Kiên Giang	Kinh	Đại học Quản trị kinh doanh	2015	Chứng chỉ B1 anh văn	Chứng chỉ A tin học	01.003		Phụ trách công tác Hành chính-Tổng hợp	Phòng Hành chính - Tổng hợp	43.5		43.5	
2	Lưu Thanh Hòa	01/01/1989		Gò Quao - Kiên Giang	Khmer	Đại học Quản trị kinh doanh	2012	Chứng chỉ B anh văn	UDCNTT cơ bản	01.003	Người đân tộc thiểu số	Phụ trách công tác Hành chính-Tổng hợp	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Vắng		Vắng	
3	Danh Thị Phương Thảo		15/01/1987	Châu Thành-Kiên Giang	Khmer	Đại học Quản trị kinh doanh	2013	Chứng chỉ A Anh văn	Trung cấp tin học-kế toán	01.003	Người đân tộc thiểu số	Phụ trách công tác Hành chính-Tổng hợp	Phòng Hành chính - Tổng hợp	32.5	5	37.5	
4	Huỳnh Mỹ Duyên		"09/01/2001	Châu Thành-Kiên Giang	Kinh	Đại học Quản trị kinh doanh	2023	Chứng nhận NN anh văn B0	UDCNTT cơ bản	01.003		Phụ trách công tác Hành chính-Tổng hợp	Phòng Hành chính - Tổng hợp	33.5		33.5	
5	Đinh Nguyễn Phương Anh		21/9/2001	Châu Thành-Kiên Giang	Kinh	Đại học Quản trị kinh doanh	2023	Toiec 335; Chứng chỉ năng lực tiếng anh B1	UDCNTT nâng cao	01.003		Phụ trách công tác Hành chính-Tổng hợp	Phòng Hành chính - Tổng hợp	59.5		59.5	
6	Lê Hồng Nhung	03/4/2000		Vĩnh Thuận-Kiên Giang	Kinh	Đại học Quản trị kinh doanh	2023			01.003		Phụ trách công tác Hành chính-Tổng hợp	Phòng Hành chính - Tổng hợp	89		89	
7	Nguyễn Thành Trung	07/4/1997		Rạch Giá-Kiên Giang	Kinh	Đại học Công nghệ sinh học	2019	Chứng chỉ B1 anh văn	UDCNTT cơ bản	V.05.02.07		Sản xuất giống cây trồng tại các trại	Trại giống Nông nghiệp Hòn Đất	77.5		77.5	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Dân tộc	Trình độ				Dự thi ngạch	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Vị trí việc làm	Vị trí công tác	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm phỏng vấn vòng 2	Ghi chú
		Nam	Nữ			Chuyên môn	Năm tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Tin học								
8	Bùi Thị Diễm My		26/4/1997	Giồng Riềng - Kiên Giang	Kinh	Đại học Khuyến nông	2019	Chứng chỉ B1 anh văn	UDCNTT cơ bản	V.05.02.07		Tiếp thị cung ứng	Phòng Kế hoạch - Cung ứng	63.5		63.5	
9	Phạm Vũ Anh Thư		02/6/1998	Tân Hiệp-Kiên Giang	Kinh	Đại học Công nghệ sinh học	2020	Chứng chỉ B1 anh văn	UDCNTT cơ bản	V.05.02.07		Kiểm định, lấy mẫu và thử nghiệm	Phòng Kiểm định - Kiểm nghiệm giống Nông nghiệp	98		98	
10	Huỳnh Nhựt Lan		12/10/1998	Châu Thành-Kiên Giang	Kinh	Đại học Công nghệ sinh học	2020	Chứng chỉ B1 anh văn	UDCNTT cơ bản	V.05.02.07		Kiểm định, lấy mẫu và thử nghiệm	Phòng Kiểm định - Kiểm nghiệm giống Nông nghiệp	68		68	
11	Võ Thị Tú Trinh		18/7/1991	Lấp Vò-Đồng Tháp	Kinh	Thạc sỹ Công nghệ sinh học	2018	Chứng chỉ B1 anh văn	UDCNTT cơ bản	V.05.02.07		Sản xuất Siêu nguyên chủng và khảo nghiệm tại các trại	Phòng Kỹ thuật Chọn tạo Giống Nông nghiệp	98.5		98.5	
III. Ban Quản lý Cảng cá Kiên Giang																	
1	Phạm Thanh Toàn	25/10/1995		Hòn Đất-Kiên Giang	Kinh	Đại học Luật	2020	Chứng chỉ B1 anh văn	UDCNTT cơ bản	V.05.02.07	Hoàn thành nghĩa vụ công an nhân dân	Điều hành sắp xếp tàu, xe, thu dịch vụ, bảo vệ, giám sát sản lượng	Phòng Khai thác và Điều hành	69	2.5	71.5	
2	Võ Thị Tố Quyên		02/01/1993	Phước Long - Bạc Liêu	Kinh	Đại học Luật	2015	Chứng chỉ B anh văn	Chứng chỉ A tin học	V.05.02.07		Điều hành sắp xếp tàu, xe, thu dịch vụ, bảo vệ, giám sát sản lượng	Phòng Khai thác và Điều hành	82		82	
3	Trần Phố	6/26/1996		An Minh-Kiên Giang	Kinh	Đại học Quản lý Tài nguyên và Môi trường	2021	Chứng chỉ B1 anh văn	UDCNTT nâng cao	V.05.02.07	Hoàn thành nghĩa vụ công an nhân dân	Điều hành sắp xếp tàu, xe, thu dịch vụ, bảo vệ, giám sát sản lượng	Phòng Khai thác và Điều hành	95	2.5	97.5	
4	Nguyễn Hồng Ngọc	21/6/1999		Gò Quao-Kiên Giang	Kinh	Đại học Luật	2023	Chứng chỉ B1 anh văn	UDCNTT nâng cao	V.05.02.07		Điều hành sắp xếp tàu, xe, thu dịch vụ, bảo vệ, giám sát sản lượng	Phòng Khai thác và Điều hành	75		75	
5	Lê Thanh Thiên	19/02/1999		Giồng Riềng-Kiên Giang	Kinh	Đại học Công nghệ Kỹ thuật xây dựng	2021	Chứng chỉ B1 anh văn	UDCNTT cơ bản	V.05.02.07		Điều hành sắp xếp tàu, xe, thu dịch vụ, bảo vệ, giám sát sản lượng	Phòng Khai thác và Điều hành	100		100	
6	Trương Văn Thừa	30/10/1986		An Minh-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kinh tế luật	2013	Chứng chỉ B anh văn	Chứng chỉ A tin học	V.05.02.07		Điều hành sắp xếp tàu, xe, thu dịch vụ, bảo vệ, giám sát sản lượng	Phòng Khai thác và Điều hành	75		75	
7	Nguyễn Lê Phương Vũ	21/3/1989		Long Hồ-Vĩnh Long	Kinh	Đại học Luật	2017	Chứng chỉ B1 anh văn	Chứng chỉ A tin học	V.05.02.07		Điều hành sắp xếp tàu, xe, thu dịch vụ, bảo vệ, giám sát sản lượng	Phòng Khai thác và Điều hành	70		70	
8	Võ Văn Dừng	20/12/1996		Vĩnh Thuận-Kiên Giang	Kinh	Đại học Luật	2023	Chứng chỉ B1 anh văn	UDCNTT cơ bản	V.05.02.07		Điều hành sắp xếp tàu, xe, thu dịch vụ, bảo vệ, giám sát sản lượng	Phòng Khai thác và Điều hành	72		72	
9	Đoàn Thị Tiểu Băng		22/7/2000	An Biên-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kế toán	2022	Chứng chỉ B1 anh văn	UDCNTT cơ bản	06.031		Kế toán viên	Phòng Hành chính-Tổng hợp	53.5		53.5	
10	Nguyễn Thị Diễm Hân		26/7/2002	An Biên-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kế toán	2023	Chứng nhận ngoại ngữ bậc 3	UDCNTT cơ bản	06.031		Kế toán viên	Phòng Hành chính-Tổng hợp	98.5		98.5	
11	Lê Duy Khánh	28/8/1983		An Biên-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kế toán	2012	Chứng chỉ B anh văn	Chứng chỉ A tin học	06.031	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Kế toán viên	Phòng Hành chính-Tổng hợp	64	2.5	66.5	
12	Triệu Minh Giúp	19/9/1990		Giồng Riềng-Kiên Giang	Kinh	Đại học Tài chính Ngân hàng	2013	Chứng chỉ B anh văn	Chứng chỉ B tin học	06.031		Kế toán viên	Phòng Hành chính-Tổng hợp	98.5		98.5	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Dân tộc	Trình độ				Dự thi ngạch	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Vị trí việc làm	Vị trí công tác	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm phỏng vấn vòng 2	Ghi chú
		Nam	Nữ			Chuyên môn	Năm tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Tin học								
13	Nguyễn Thị Thanh Bình		28/01/1993	Rạch Giá-Kiên Giang	Kinh	Đại học Tài chính Ngân hàng	2017	Chứng chỉ B anh văn	Chứng chỉ B tin học	06.031		Kế toán viên	Phòng Hành chính-Tổng hợp	50		50	
14	Trần Thị Ngọc Bích		05/4/1991	Nghi Xuân-Hà Tĩnh	Kinh	Đại học Kế toán	2017	Chứng chỉ B anh văn	Chứng chỉ B tin học		Con thương binh	Kế toán viên	Phòng Hành chính-Tổng hợp	93.5	5	98.5	
15	Nguyễn Thị Ngọc Luận		12/02/1991	Giồng Riềng-Kiên Giang	Kinh	Đại học Tài chính Ngân hàng	2015	Chứng chỉ B anh văn	Chứng chỉ B tin học	01.003		Thủ quỹ	Phòng Hành chính-Tổng hợp	90		90	
16	Trần Thành	3/13/2000		An Minh-Kiên Giang	Kinh	Đại học Khoa học môi trường	2022	Toeic 275	UDCNTT cơ bản	V.05.02.07		Kỹ thuật môi trường	Phòng quản lý hạ tầng và môi trường	100		100	
17	Huỳnh Thị Hoàng Anh		26/3/1996	Châu Thành-Kiên Giang	Kinh	Đại học Quản lý Tài nguyên và Môi trường	2018	Toeic 630	Chứng chỉ A tin học	V.05.02.07		Theo dõi tổng hợp thống kê hợp đồng	Phòng quản lý hạ tầng và môi trường	100		100	
IV. Trung tâm Đăng kiểm tàu cá																	
1	Lê Thị Thùy Dương		01/7/1991	Tp. Sóc Trăng - Sóc Trăng	Kinh	Đại học Quản trị kinh doanh	2014	Chứng chỉ B1 anh văn	Chứng chỉ B tin học	V.05.02.07		Văn thư, lưu trữ kiêm công tác hành chính - tổng hợp	Phòng Hành chính-Tổng hợp	95		95	
2	Quách Thị Huỳnh Nga		14/3/1993	Rạch Giá-Kiên Giang	Kinh	Đại học Quản trị kinh doanh	2021	Chứng chỉ B anh văn	Đại học Kỹ thuật máy tính	V.05.02.07		Văn thư, lưu trữ kiêm công tác hành chính - tổng hợp	Phòng Hành chính-Tổng hợp	25		25	
	Lê Thị Phương Hoa		;08/3/1989	Châu Thành-kiên Giang	Kinh	Đại học Quản trị kinh doanh	2013	Chứng chỉ B anh văn	Chứng chỉ B tin học	V.05.02.07		Văn thư, lưu trữ kiêm công tác hành chính - tổng hợp	Phòng Hành chính-Tổng hợp	35		35	
3	Nguyễn Thị Anh Thư		12/3/1992	Giồng Riềng-Kiên Giang	Kinh	Đại học Quản lý nguồn lợi thủy sản	2015	Chứng chỉ B1 anh văn	Chứng chỉ A tin học	V.05.02.07		Thực hiện quản lý hệ thống giám sát tàu cá và dữ liệu giám sát tàu cá của tỉnh; Phối hợp rà soát truy suất dữ liệu từ hệ thống giám sát tàu cá phục vụ công tác quản lý hoạt động khai thác thủy sản.	Phòng Quản lý hệ thống giám sát tàu cá	90		90	
4	Khâu Quang Hiệp	10/6/1996		Thiệu Hóa-Thanh Hóa	Kinh	Đại học Khoa học máy tính	2020	Chứng chỉ B2 anh văn	Đại học Khoa học máy tính	V.05.02.07		Thực hiện quản lý hệ thống giám sát tàu cá và dữ liệu giám sát tàu cá của tỉnh; Phối hợp rà soát truy suất dữ liệu từ hệ thống giám sát tàu cá phục vụ công tác quản lý hoạt động khai thác thủy sản.	Phòng Quản lý hệ thống giám sát tàu cá	95		95	
5	Đoàn Trần Đại	01/01/1989		Thị xã Duyên Hải-Trà Vinh	Kinh	Đại học Quản lý nghề cá	2011	Chứng chỉ B1 anh văn	UDCNTT cơ bản	V.05.02.07		Kiểm tra đánh giá cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá; Thẩm định phê duyệt các hồ sơ thiết kế kỹ thuật tàu cá đóng mới, cải hoán hoàn công và thiết bị nghề cá theo quy định.	Phòng Nghiệp vụ	95		95	
6	Phạm Phú Quốc	14/9/1991		Núi Thành-Quảng Nam	Kinh	Thạc sỹ Kỹ thuật cơ khí động lực	2018	Chứng chỉ B anh văn	Chứng chỉ B tin học	V.05.02.07		Kiểm tra đánh giá cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá; Thẩm định phê duyệt các hồ sơ thiết kế kỹ thuật tàu cá đóng mới, cải hoán hoàn công và thiết bị nghề cá theo quy định.	Phòng Nghiệp vụ	100		100	